TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH G

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2023/DS-ST
Ngày: 24-4-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoài Th.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Huỳnh Thị Ngọc D;

Ông Lê Văn D.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Lê Hiền B – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ *tham gia phiên tòa*: Bà Đoàn Thị Minh T – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2023 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2022/TLST - DS ngày 27 tháng 10 năm 2022 về việc *Tranh chấp hợp đồng tín dụng* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2023/QĐST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần LV; Địa chỉ: Tòa nhà Capital Tower, số 109 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Phạm Doãn Sơn - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP LV: Ông Nguyễn Tấn Nghĩa – Giám đốc Ngân hàng TMCP LV – chi nhánh G.

Người đại diện theo ủy quyền của Giám đốc Ngân hàng TMCP LV – chi nhánh G: ông Nguyễn Đức Tuấn A – Phó trưởng phòng kiêm tổ trưởng tổ khách hàng cá nhân – Phòng khách hàng – Ngân hàng TMCP LV – chi nhánh G; Địa chỉ: 92 Hùng Vương, phường Hội Thương, thành phố Pleiku, tỉnh G. Vắng mặt theo đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông B, sinh năm 1986 và bà R, sinh năm 1994. Địa chỉ: Làng Đê Klanh, xã Đak Krong, huyện Đ, G. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14/10/2022, bản tự khai, các tài liệu có tại hồ sơ

trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Đức Tuấn A trình bày:

Ngân hàng TMCP LV (gọi tắt là Ngân hàng) đã cho ông B và bà R vay tiền theo Hợp đồng tín dụng số HDTD6502021315 ngày 12/05/2021 với số tiền là 150.000.000 đồng, mục đích vay vốn: Cho vay chăm sóc cây công nghiệp và trồng trọt, chăn nuôi; phương thức cho vay: từng lần, thời hạn cho vay: 11 tháng, kể từ ngày bên vay bắt đầu nhận tiền vay. Lãi suất: 10% trong 3 tháng đầu.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay: ông B và bà R đã thế chấp cho Ngân hàng:

Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 33, tờ bản đồ số 49, diện tích 4160,0 m^2; địa chỉ: Làng Đê KLanh, xã Đak Krong, huyện Đ, tỉnh G do UBND huyện Đ cấp ngày cấp ngày 12/2012 cho ông Amrat và bà Anưih. Ngày 24/12/2019 đã chuyển nhượng toàn bộ cho ông B và bà R. Và Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 60, diện tích 5858,3 m^2; địa chỉ: Làng Đê KLanh, xã Đak Krong, huyện Đ, tỉnh G do UBND huyện Đ cấp ngày cấp ngày 12/2012 cho ông Amrat và bà Anưih. Ngày 24/12/2019 đã chuyển nhượng toàn bộ cho ông B và bà R. 02 tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 02/06/20/LPB.GL ngày 02/06/2020 được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Văn Trạch, số công chứng 720; đăng ký thế chấp tại Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh G, chi nhánh huyện Đ ngày 03/6/2020.

Trong quá trình vay, ông B và bà R không tiếp tục thanh toán số tiền gốc và lãi cho Ngân hàng theo Hợp đồng đã ký kết. Do đó, kể từ ngày 22/4/2022, Ngân hàng chuyển toàn bộ khoản vay nêu trên sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 24/4/2023, ông B và bà R còn nợ Ngân hàng TMCP LV số tiền nợ gốc và lãi là: 107.461.588 đồng (*một trăm lẻ bảy triệu bốn trăm sáu mốt nghìn năm trăm tám tám đồng*), trong đó số tiền nợ gốc là 91.999.953 đồng (*chín mươi mốt triệu chín trăm chín chín nghìn chín trăm năm ba đồng*) và số tiền nợ lãi là 15.461.639 đồng (*mười lăm triệu bốn trăm sáu mốt nghìn sáu trăm ba chín đồng*).

Nay Ngân hàng TMCP LV yêu cầu Tòa án buộc ông B và bà R phải thanh toán một lần toàn bộ nợ gốc và lãi trên cho Ngân hàng.

Buộc ông B và bà R phải thanh toán phần nợ lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ mà ông B và bà R đã ký kết với Ngân hàng TMCP LV kể từ ngày 25/4/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp ông B và bà R không thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Về án phí và chi phí tố tụng: Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông B và bà R phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định pháp luật.

Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn ông B và bà R. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật để ông B và bà R tham gia tố tụng và trình bày ý kiến, nhưng ông B và bà R không đến Tòa án làm việc nên không có lời trình bày về nội dụng vụ án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Đối với bị đơn ông B và bà R đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn lựa chọn Tòa án nơi cư trú cuối cùng của bị đơn ông B và bà R tại huyện Đ, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo lãnh thổ và cấp xét xử, quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Hợp đồng giao kết giữa hai bên chủ thể trong đó có một bên chủ thể Ngân hàng là tổ chức tín dụng có đăng ký kinh doanh và một bên là bị đơn không có đăng ký kinh doanh, nên tranh chấp trong vụ án này được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, pháp luật áp dụng là Bộ luật Dân sự và Luật Các tổ chức tín dụng.

Bị đơn ông B và bà R đã được niêm yết công khai các văn bản tố tụng của vụ án theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, nhưng ông B và bà R đều vắng mặt không có lý do. Như vậy, ông B và bà R đã cố tình trốn tránh thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền và từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa vắng mặt bị đơn quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và chỉ xem xét những chứng cứ, tài liệu nguyên đơn cung cấp theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét Hợp đồng tín dụng số HDTD6502021315 ngày 12/05/2021 giữa nguyên đơn với bị đơn được giao kết hợp pháp nên nó phát sinh hiệu lực, các bên có nghĩa vụ thực

hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã cam kết. Bị đơn đã không thanh toán đúng hạn khoản nợ lãi cho nguyên đơn, vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả nợ là có căn cứ theo quy định tại Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Do đó, Ngân hàng TMCP LV yêu cầu Tòa án buộc ông B và bà R phải thanh toán một lần toàn bộ nợ gốc và lãi cho Ngân hàng TMCP LV tính đến ngày 24/4/2023 với tổng số tiền là 107.461.588 đồng (*một trăm lẻ bảy triệu bốn trăm sáu mốt nghìn năm trăm tám tám đồng*) và tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thanh toán từ ngày 25/4/2023 cho đến khi ông B và bà R trả hết nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về xử lý tài sản thế chấp: Nguyên đơn yêu cầu trong trường hợp ông B và bà R không trả được số nợ trên thì xử lý các tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 02/06/20/LPB.GL ngày 02/06/2020 được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Văn Trạch để thu hồi nợ. Hội đồng xét xử thấy rằng khi vay tiền, để bảo đảm cho khoản nợ vay nói trên, ông B và bà R đã thế chấp cho nguyên đơn tài sản thuộc quyền sử dụng và quyền sở hữu hợp pháp của mình, tài sản là:

Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 33, tờ bản đồ số 49, diện tích 4160,0 m^2; địa chỉ: Làng Đê KLanh, xã Đak Krong, huyện Đ, tỉnh G do UBND huyện Đ cấp ngày cấp ngày 12/2012 cho ông Amrat và bà Anưih. Ngày 24/12/2019 đã chuyển nhượng toàn bộ cho ông B và bà R. Và Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 60, diện tích 5858,3 m^2; địa chỉ: Làng Đê KLanh, xã Đak Krong, huyện Đ, tỉnh G do UBND huyện Đ cấp ngày cấp ngày 12/2012 cho ông Amrat và bà Anưih. Ngày 24/12/2019 đã chuyển nhượng toàn bộ cho ông B và bà R.

Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 02/06/20/LPB.GL ngày 02/06/2020 được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Văn Trạch, số công chứng 720; đăng ký thế chấp tại Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh G, chi nhánh huyện Đ ngày 03/6/2020 thấy rằng: Việc thế chấp tài sản thể hiện ý chí của các bên khi giao kết hợp đồng. Mục đích, nội dung, hình thức của hợp đồng thế chấp phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và đã được công chứng hợp pháp nên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành.

Tại Biên bản xem xét và thẩm định tại chỗ ngày 01/02/2023, Hội đồng xem xét và thẩm định tại chỗ xác định: tài sản trên thửa đất số 33, tờ bản đồ số 49, diện tích 4160,0 m^2; địa chỉ: Làng Đê KLanh, xã Đak Krong, huyện Đ, tỉnh G gồm cây cà phê đang thu kinh doanh. Tại thời điểm xem xét và thẩm định tại chỗ thửa đất và tài sản trên đất nêu trên do ông B và bà R quản lý, sử dụng; tài sản trên thửa đất số 13, tờ bản đồ số 60, diện tích 5858,3 m^2; địa chỉ: Làng Đê KLanh, xã Đak Krong, huyện Đ, tỉnh G gồm cây bờ lời và cây cà phê bỏ không chăm sóc. Tại thời điểm xem xét và thẩm định tại chỗ thửa đất và tài sản trên đất nêu trên không có người quản lý, sử dụng. Ủy

ban nhân dân xã Đak Krong, huyện Đ, tỉnh G xác nhận chưa nhận đơn tranh chấp đối với 02 thửa đất và tài sản trên đất nêu trên. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định thửa đất và tài sản trên đất nêu trên hiện không có tranh chấp.

Vì vậy căn cứ vào Điều 299 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn.

[3] Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét và thẩm định tại chỗ: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ vào Điều 157 và Điều 158 của Bộ luật Tố tụng Dân sự buộc ông B và bà R phải chịu toàn bộ số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 19.000.000đồng (*mười chín triệu đồng*). Ngân hàng đã nộp đủ. Do vậy, ông B và bà R phải hoàn lại cho Ngân hàng toàn bộ số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 19.000.000đồng (*mười chín triệu đồng*).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: là 5.373.079 đồng (*năm triệu ba trăm bảy mươi ba nghìn không trăm bảy chín đồng*). Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn là người có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Áp dụng Điều 119, Điều 299, Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP LV.

2. Buộc ông B và bà R phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP LV theo Hợp đồng tín dụng số HDTD6502021315 ngày 12/05/2021, tính đến ngày 24/4/2023 một lần tổng số tiền là 107.461.588 đồng (*một trăm lẻ bảy triệu bốn trăm sáu mốt nghìn năm trăm tám tám đồng*), trong đó số tiền nợ gốc là 91.999.953 đồng (*chín mươi mốt triệu chín trăm chín chín nghìn chín trăm năm ba đồng*) và số tiền nợ lãi là 15.461.639 đồng (*mười lăm triệu bốn trăm sáu mốt nghìn sáu trăm ba chín đồng*).

Và tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thanh toán từ ngày 25/4/2023 cho đến khi ông B và bà R trả hết khoản nợ cho Ngân hàng TMCP LV theo mức lãi suất đã thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng số HDTD6502021315 ngày 12/05/2021.

3. Trong trường hợp ông B và bà R không trả được hoặc trả không đủ số tiền nợ gốc và nợ lãi nêu trên cho Ngân hàng TMCP LV, thì Ngân hàng TMCP LV có quyền

yêu cầu Cơ quan Thi hành án phát mại tài sản của ông B và bà R đã thế chấp để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 33, tờ bản đồ số 49, diện tích 4160,0 m^2; địa chỉ: Làng Đê KLanh, xã Đak Krong, huyện Đ, tỉnh G do UBND huyện Đ cấp ngày cấp ngày 12/2012 cho ông Amrat và bà Anưih. Ngày 24/12/2019 đã chuyển nhượng toàn bộ cho ông B và bà R. Và Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 60, diện tích 5858,3 m^2; địa chỉ: Làng Đê KLanh, xã Đak Krong, huyện Đ, tỉnh G do UBND huyện Đ cấp ngày cấp ngày 12/2012 cho ông Amrat và bà Anưih. Ngày 24/12/2019 đã chuyển nhượng toàn bộ cho ông B và bà R. (*Kèm theo 02 trích đo hiện trạng sử dụng đất ngày 01/2/2023).* 02 tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 02/06/20/LPB.GL ngày 02/06/2020 được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Văn Trạch, số công chứng 720; đăng ký thế chấp tại Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh G, chi nhánh huyện Đ ngày 03/6/2020.

4. Về chi phí tố tụng: Buộc ông B và bà R phải trả cho Ngân hàng TMCP LV chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 19.000.000đồng (*mười chín triệu đồng*).

5. Về án phí: Buộc ông B và bà R phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.373.079 đồng (*năm triệu ba trăm bảy mươi ba nghìn không trăm bảy chín đồng*). Ngân hàng TMCP LV không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại Ngân hàng TMCP LV số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.505.133 đồng (*hai triệu năm trăm lẻ năm nghìn một trăm ba ba đồng*) theo biên lai thu tiền số 0009741 ngày 27/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh G.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Ngân hàng TMCP LV có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn ông B và bà R vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh G;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ/VT.

Nguyễn Thị Hoài Th